TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 7 – 2023
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Bà Hà N Kim Tới.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Chí T trình bày:

Ông Nguyễn Chí T với bà Huỳnh Thị D kết hôn với nhau vào năm 2010. Hai người đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận số 65 ngày 06/9/2010.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu sống hạnh phúc. Nhưng đến tháng 10 năm 2017, thì bà D bỏ nhà ra đi không về nhà từ đó c ho đến nay. Hai người ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay.

Thời gian chung sống ông bà có hai con chung tên Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 09/6/2010 và Nguyễn Huỳnh Chí H, sinh ngày 27/11/2015, hiện các con đang sống cùng ông T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay ông Nguyễn Chí T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị D.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi các con. Không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Huỳnh Thị D không có lời trình bày do vắng mặt:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 106/2023/TB-TLVA ngày 22 tháng 5 năm 2023, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Huỳnh Thị D nhưng bà D không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt bà D, không tiến hành hòa giải được và bà D cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: ông Nguyễn Chí T được quyền ly hôn với bà Huỳnh Thị D. Về con chung: Giao các con cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị D đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn bà D thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Chí T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với bà Huỳnh Thị D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Chí T với bà Huỳnh Thị D là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau, thì phát sinh mâu thuẫn, bà D bỏ nhà ra đi từ năm 2017. Hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông T yêu cầu được ly hôn với bà D là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 09/6/2010 và Nguyễn Huỳnh Chí H, sinh ngày 27/11/2015. Hiện các con đang sống cùng với ông T. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi các con. Xét thấy con đang sống cùng ông T và có nguyện vọng sống cùng cha nên yêu cầu của ông T phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T yêu cầu nên ông T phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Chí T.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Chí T được quyền ly hôn với bà Huỳnh Thị D.

- Về con chung: Giao Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 09/6/2010 và Nguyễn Huỳnh Chí H, sinh ngày 27/11/2015 cho ông Nguyễn Chí T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Huỳnh Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà D. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Thị D không phải phải nộp án phí.

+ Ông Nguyễn Chí T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm

nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006782 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy ông T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.